

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----



HỒ SƠ YÊU CẦU

Tên gói mua sắm:	Mua sắm bảo hiểm sức khỏe năm 2025 – 2026 cho CBNV của Công ty
Chủ đầu tư:	Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam

Hà Nội, năm 2025

0/ 2/ 1/

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

HỒ SƠ YÊU CẦU

Tên gói mua sắm: Mua sắm bảo hiểm sức khỏe năm 2025 – 2026 cho CBNV của Công ty

Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam

Phát hành ngày: 03/12/2025

Ban hành kèm theo Quyết định: Số 23A/2025/QĐ-CKCT01 ngày 02/12/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Đức Mạnh

1/2

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ CUNG CẤP

1. Giới thiệu gói mua sắm

- Tên gói mua sắm: Mua sắm bảo hiểm sức khỏe năm 2025 – 2026 cho CBNV của Công ty.

- Địa điểm: Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam – Địa chỉ: Tầng 1 đến Tầng 4, Tòa Nhà N02-T2 Khu Đoàn Ngoại giao, phường Xuân Đình, thành phố Hà Nội (địa chỉ theo phân chia địa giới hành chính cũ: phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội).

- Nguồn vốn: Nguồn chi phí phúc lợi của Công ty Chứng khoán Công thương.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng.

- Thời gian thực hiện gói mua sắm: Trong tháng 12 năm 2025.

2. Tư cách hợp lệ của nhà cung cấp:

a. Về điều kiện pháp lý:

- Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (bản sao/bản sao y);

- Hạch toán tài chính độc lập (có bản sao Báo cáo tài chính năm 2024 hoặc cam kết);

- Không đang trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

b. Về năng lực, kinh nghiệm:

- Nhà cung cấp có đăng ký kinh doanh phù hợp với yêu cầu về cung cấp của gói mua sắm (có ngành nghề kinh doanh phù hợp với yêu cầu của gói mua sắm) (bản sao/bản sao y).

- Nhà cung cấp đã có kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự về việc cung cấp bảo hiểm sức khỏe trong vòng 03 năm trở lại đây.

3. Yêu cầu về phạm vi cung cấp

3.1. Phạm vi cung cấp:

Stt	Danh mục hàng hóa	Đơn vị	Số lượng	Mô tả	Ghi chú
1	Gói quyền lợi bảo hiểm cấp 1	Gói	9	Theo nội dung yêu cầu về kỹ thuật	
2	Gói quyền lợi bảo hiểm cấp 2	Gói	54	Theo nội dung yêu cầu về kỹ thuật	
3	Gói quyền lợi bảo hiểm cấp 3	Gói	170	Theo nội dung yêu cầu về kỹ thuật	

3.2. Yêu cầu về kỹ thuật:

Dưới đây là yêu cầu tối thiểu. Bất kỳ nội dung nào được nêu trong bảng yêu cầu dưới đây nhằm để minh họa các tiêu chuẩn về quyền lợi của gói bảo hiểm. Nhà thầu có thể lựa chọn chào thầu dịch vụ bảo hiểm phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo quyền lợi của gói bảo hiểm “tương đương” hoặc “ưu việt hơn” so với các yêu cầu (Nhà thầu phải giải trình/cung cấp tài liệu kèm theo để chứng minh sự tương đương hoặc ưu việt hơn).

- Yêu cầu tối thiểu về quyền lợi bảo hiểm:

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	Gói quyền lợi bảo hiểm cấp 3	Gói quyền lợi bảo hiểm cấp 2	Gói quyền lợi bảo hiểm cấp 1
A - BẢO HIỂM CHĂM SÓC Y TẾ NÂNG CAO			
I. BẢO HIỂM SINH MẠNG CÁ NHÂN (Tử vong, tổn thương toàn bộ vĩnh viễn do ốm đau, bệnh tật và thai sản)	100.000.000	150.000.000	400.000.000
1. Tử vong, tổn thương toàn bộ vĩnh viễn do ốm đau, bệnh tật và thai sản	100.000.000	150.000.000	400.000.000
2. Tử vong do dịch bệnh	55.000.000	55.000.000	220.000.000
II. BẢO HIỂM TAI NẠN CÁ NHÂN			
1. Tử vong, tổn thương toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn	165.000.000	220.000.000	500.000.000
2. Tổn thương bộ phận vĩnh viễn do tai nạn	Chi trả theo tỷ lệ thương tật thực tế, tối đa không quá số tiền bảo hiểm tại mục 1		
3. Điều trị tai nạn tại Việt Nam (bao gồm chi phí điều trị nội trú và ngoại trú, tối đa không quá số tiền bảo hiểm)	60.000.000	80.000.000	200.000.000
4. Trợ cấp nằm viện do tai nạn (tối đa 60 ngày/ năm)	6.000.000	12.000.000	18.000.000
	Giới hạn 120.000 VNĐ/ngày	Giới hạn 240.000 VNĐ/ngày	Giới hạn 360.000 VNĐ/ngày
5. Trợ cấp thân nhân (Trợ cấp giáo dục cho con đẻ dưới 18 tuổi trong trường hợp NDBH tử vong, thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn)	18.000.000 VNĐ/con	24.000.000 VNĐ/con	36.000.000 VNĐ/con
III. BẢO HIỂM ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ do ốm đau, bệnh tật, thai sản (Tối đa 60 ngày nằm viện nội trú/năm/người)	80.000.000	150.000.000	400.000.000
1. Chi phí nằm viện do bệnh (chi phí/ngày) - Tiền giường, tiền phòng, tiền ăn (Phòng đơn tiêu chuẩn, đối với phòng bao chi chi trả chi phí phòng của NDBH) - Chi phí hành chính, chi phí máu, huyết tương	Theo chi phí thực tế và không quá 5.000.000 VNĐ/ngày	Theo chi phí thực tế và không quá 7.000.000 VNĐ/ngày	Theo chi phí thực tế và không quá 10.000.000 VNĐ/ngày

2 4

TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	Gói quyền lợi bảo hiểm cấp 3	Gói quyền lợi bảo hiểm cấp 2	Gói quyền lợi bảo hiểm cấp 1
- Thuốc và các dược phẩm sử dụng trong khi nằm viện - Băng nẹp thông thường và bột - Chi phí xét nghiệm hoặc chuẩn đoán - Các chi phí y tế khác trong thời gian nằm viện			
Phòng chăm sóc đặc biệt, phòng VIP theo quy định tại cơ sở y tế:	Bảo hiểm và trả theo phòng đơn tiêu chuẩn	Bảo hiểm và trả theo phòng đơn tiêu chuẩn	Theo chi phí thực tế và không quá 10.000.000 VNĐ/ngày
2. Chi phí phẫu thuật do bệnh (chi phí hội chẩn, gây mê, phẫu thuật viên, hậu phẫu, chi phí phòng mổ, phòng hồi sức) - Phẫu thuật nội trú - Phẫu thuật trong ngày - Phẫu thuật liên quan đến cấy ghép nội tạng (không bao gồm chi phí mua bộ phận nội tạng) - Thủ thuật nội trú, thủ thuật trong ngày	70.000.000	120.000.000	300.000.000
3. Điều trị cấp cứu	70.000.000	120.000.000	300.000.000
4. Chi phí điều trị trước khi nhập viện (30 ngày trước khi nhập viện)/năm	6.600.000	8.800.000	11.000.000
5. Chi phí điều trị ngay sau khi xuất viện (30 ngày kể từ ngày xuất viện)/năm	6.600.000	8.800.000	11.000.000
6. Chi phí y tá chăm sóc tại nhà ngay sau khi xuất viện (tối đa 15 ngày/năm).	3.850.000	5.500.000	8.800.000
7. Dịch vụ xe cứu thương trong lãnh thổ Việt nam (có thể loại trừ đường hàng không).	77.000.000	132.000.000	330.000.000
Chi phí cấp cứu hợp lý bằng Taxi, các chi phí trên 200.000 VNĐ phải có hoá đơn VAT.	Theo chi phí thực tế tối đa không quá 500.000 VNĐ/năm	Theo chi phí thực tế tối đa không quá 500.000 VNĐ/năm	Theo chi phí thực tế tối đa không quá 500.000 VNĐ/năm
8. Trợ cấp nằm viện/ngày (tối đa 60 ngày/ năm)			
8.1. Trợ cấp nằm viện/ngày khi NĐBH điều trị bệnh	150.000	200.000	300.000
8.2. Trợ cấp nằm viện/ngày khi NĐBH nằm viện điều trị dịch bệnh tại Cơ sở y tế	500.000	500.000	1.000.000
9. Điều trị thai sản	20.000.000	25.000.000	50.000.000
a. Sinh thường	Chi trả theo chi phí thực tế, tối đa 5.000.000 VNĐ/ngày	Chi trả theo chi phí thực tế, tối đa 8.000.000 VNĐ/ngày	Chi trả theo chi phí thực tế, tối đa 10.000.000 VNĐ/ngày
b. Sinh mổ	20.000.000	25.000.000	50.000.000
	Chi trả theo chi phí thực tế, tối đa	Chi trả theo chi phí thực tế, tối đa	Chi trả theo chi phí thực tế, tối đa

2 5/20

TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	Gói quyền lợi bảo hiểm cấp 3	Gói quyền lợi bảo hiểm cấp 2	Gói quyền lợi bảo hiểm cấp 1
	5.000.000 VNĐ/ngày	8.000.000 VNĐ/ngày	10.000.000 VNĐ/ngày
c. Biến chứng thai sản; Bệnh lý phát sinh nguyên nhân do thai kỳ	Chi trả theo chi phí thực tế, tối đa 5.000.000 VNĐ/ngày	Chi trả theo chi phí thực tế, tối đa 8.000.000 VNĐ/ngày	Chi trả theo chi phí thực tế, tối đa 10.000.000 VNĐ/ngày
d. Chi phí chăm sóc trẻ mới sinh trong vòng 7 ngày với điều kiện mẹ vẫn nằm viện	300.000	500.000	1.000.000
e. Chi phí khám trước sinh (bao gồm khám thai định kỳ)	3.000.000	5.000.000	8.000.000
10. Trợ cấp mai táng	5.000.000	7.000.000	9.000.000
IV. ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ DO BỆNH VÀ NHA KHOA	10.000.000	15.000.000	50.000.000
1. Điều trị ngoại trú do bệnh			
1.1 Điều trị ngoại trú do bệnh; Phẫu thuật ngoại trú; Thủ thuật ngoại trú; - Vật lý trị liệu, trị liệu học bức xạ, liệu pháp ánh sáng do bác sỹ chỉ định	Theo chi phí thực tế và không quá 2.500.000 đồng/lần, tối đa 12 lần/năm	Theo chi phí thực tế và không quá 3.000.000 đồng/lần, tối đa 12 lần/năm	Theo chi phí thực tế và không quá 7.000.000 đồng/lần, tối đa 12 lần/năm
1.2. Biến chứng thai sản; Bệnh lý phát sinh nguyên nhân do thai kỳ	Theo chi phí thực tế và không quá 2.000.000 đồng/lần, tối đa 10 lần/năm	Theo chi phí thực tế và không quá 2.500.000 đồng/lần, tối đa 10 lần/năm	Theo chi phí thực tế và không quá 5.000.000 đồng/lần, tối đa 10 lần/năm
1.3 Đơn thuốc có các sản phẩm được đăng ký dưới dạng vật tư y tế như Xixat, Sterima, Marimer, Natriclorua 0.9% hoặc tương đương	500.000 VNĐ/năm	800.000 VNĐ/năm	Theo hạn mức quyền lợi ngoại trú
2. Điều trị nha khoa/năm:	Chi phí thực tế không quá 1.500.000 đồng/lần, tối đa 5 lần/năm	Chi phí thực tế không quá 2.000.000 đồng/lần, tối đa 5 lần/năm	Chi phí thực tế không quá 5.000.000 đồng/lần, tối đa 5 lần/năm
2.1 Lấy cao răng	500.000 VNĐ/năm	500.000 VNĐ/năm	600.000 VNĐ/năm
2.2 Trường hợp hàn răng bằng chất liệu khác chất liệu thông thường (amalgam, composite, fuji).	Theo chi phí thực tế và không quá 500.000 VNĐ/răng	Theo chi phí thực tế và không quá 500.000 VNĐ/răng	Theo chi phí thực tế và không quá hạn mức quyền lợi được bảo hiểm
2.3 Chi phí đặt implant răng			Theo chi phí thực tế và không quá hạn mức quyền lợi được bảo hiểm
V. CHI PHÍ VẬN CHUYỂN Y TẾ DO TAI NẠN	6.000.000	12.000.000	18.000.000
B - BẢO HIỂM BỆNH HIỂM NGHÈO			

(Chữ ký)

TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	Gói quyền lợi bảo hiểm cấp 3	Gói quyền lợi bảo hiểm cấp 2	Gói quyền lợi bảo hiểm cấp 1
Bảo hiểm bệnh hiểm nghèo	70.000.000	150.000.000	300.000.000
Phạm vi bảo hiểm	Việt Nam	Việt Nam	Việt Nam
Dịch vụ bảo lãnh	Nội trú (bao gồm Thai sản, Ngoại trú và Nha khoa)	Nội trú (bao gồm Thai sản, Ngoại trú và Nha khoa)	Nội trú (bao gồm Thai sản, Ngoại trú và Nha khoa)

- Nhà thầu cam kết hồ sơ/thủ tục giải quyết bồi thường bảo hiểm được thực hiện đúng theo quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16/6/2022 và Nghị định 46/2023/NĐ-CP ngày 01/07/2023 quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm.

4. Thành phần của HSDX

HSDX do nhà cung cấp chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn chào hàng theo **Mẫu số 01**, và các biểu mẫu tại **Chương III** kèm theo;
2. Hồ sơ pháp lý và năng lực kinh nghiệm theo quy định tại **Mục 2**.
3. Đề xuất kỹ thuật: theo quy định tại **Mục 3**.

4. Đề xuất tài chính: Nhà cung cấp đưa ra mức giá đề xuất và nêu điều kiện thanh toán cho toàn bộ các hàng hóa, dịch vụ trong phạm vi cung cấp quy định tại **Mục 3**; Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà cung cấp đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói mua sắm, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện.

5. Thời gian có hiệu lực của HSDX:

Thời gian có hiệu lực của HSDX là 30 ngày, kể từ hạn cuối nhận HSDX.

6. Nộp, tiếp nhận HSDX

- Nhà cung cấp phải gửi 01 bản gốc HSDX đến Phòng Tổ chức hành chính - Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam; Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà N02-T2 Khu Đoàn Ngoại giao - Phường Xuân Đình - Hà Nội chậm nhất là vào thời điểm: **14 giờ 00 phút, ngày 11 tháng 12 năm 2025**.

7. Đánh giá HSDX và thương thảo hợp đồng

Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX. Nhà cung cấp có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi thấp nhất được xếp hạng thứ nhất và được mời vào thương thảo hợp đồng.

(Handwritten signature and initials)

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSĐX

1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSĐX

1.1. Kiểm tra HSĐX

Kiểm tra các thành phần của HSĐX theo yêu cầu tại **Mục 4, Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp**;

1.2. Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của HSĐX

HSĐX của nhà cung cấp được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSĐX;
- b) Có đơn chào hàng được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC;
- c) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải đáp ứng yêu cầu nêu trong HSYC;
- d) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Công ty Chứng khoán Công thương;
- đ) Thời gian có hiệu lực của HSĐX đáp ứng yêu cầu nêu tại **Mục 5, Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp**;
- e) Nhà cung cấp bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Điểm a, Mục 2, Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp.

Nhà cung cấp có HSĐX hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.

2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Sử dụng tiêu chí Đạt/không đạt để đánh giá năng lực và kinh nghiệm theo Điểm b, Mục 2, Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp. Chi tiết như sau:

Stt	Nội dung yêu cầu	Tài liệu chứng minh	
1	Ngành nghề kinh doanh phù hợp	Bản sao/bản sao y Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh bảo hiểm hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp.	
2	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự về việc cung cấp bảo hiểm sức khỏe trong vòng 03 năm trở lại đây: - Số lượng hợp đồng ≥ 01 . - Giá trị của hợp đồng ≥ 835 triệu đồng.	Bản sao được chứng thực các tài liệu: - Hợp đồng; - Biên bản nghiệm thu hợp đồng hoặc biên bản thanh lý hợp đồng hoặc hóa đơn giá trị gia tăng hoặc các tài liệu khác có giá trị chứng minh tương đương.	

01/8/2024

3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí Đạt/không đạt để đánh giá về kỹ thuật theo Mục 3, Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp. Chi tiết:

Stt	Nội dung yêu cầu	Đạt	Không đạt
1	Yêu cầu về phạm vi cung cấp	Chào đúng danh mục, dịch vụ theo bảng yêu cầu về phạm vi cung cấp	Chào không đúng danh mục, dịch vụ theo bảng yêu cầu về phạm vi cung cấp
2	Yêu cầu về kỹ thuật	Chào dịch vụ có nội dung/tính năng/quyền lợi đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật	Chào dịch vụ có nội dung/tính năng/quyền lợi không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật

4. Xác định giá chào

Cách xác định giá chào thấp nhất theo các bước sau:

Bước 1: Xác định giá chào;

Bước 2: Sửa lỗi thực hiện theo quy định;

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định;

Bước 4: Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Xếp hạng nhà cung cấp. HSDX có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) và cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà cung cấp đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong HSYC và được thanh toán theo đúng giá đã chào.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số

0. 2/2

lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSYC thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSYC;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá nhà cung cấp chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong HSDX của nhà cung cấp có sai lệch;

Trường hợp một hạng mục trong HSDX của nhà cung cấp có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá cao nhất đối với hạng mục này trong số các HSDX của nhà cung cấp khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSDX của các nhà cung cấp vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá của hạng mục này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một nhà cung cấp duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong HSDX của nhà cung cấp này; trường hợp HSDX của nhà cung cấp không có đơn giá tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

Chương III. CÁC BIỂU MẪU KÈM THEO

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG⁽¹⁾

Ngày: ... [Điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng]

Tên gói mua sắm: ... [Ghi tên gói mua sắm theo HSYC]

Kính gửi: [Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời chào hàng]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số ... [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] mà chúng tôi nhận được, chúng tôi, ... [Ghi tên nhà cung cấp], có địa chỉ tại ... [Ghi địa chỉ của nhà cung cấp] cam kết thực hiện gói mua sắm ... [Ghi tên gói mua sắm] theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là ... [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]⁽²⁾ cùng với biểu giá kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là ... [Ghi thời gian để thực hiện xong tất cả nội dung công việc theo yêu cầu của gói mua sắm]⁽³⁾.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong hồ sơ đề xuất này với tư cách là nhà cung cấp chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của Pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không thực hiện hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói mua sắm này.
5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ đề xuất là trung thực.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong ... ngày [Ghi số ngày có hiệu lực theo đúng HSYC], kể từ ngày ... tháng ... năm ... [Ghi ngày có hạn cuối nộp HSDX theo HSYC].

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp⁽⁴⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời chào hàng, nhà cung cấp, thời gian lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời chào hàng, nhà cung cấp, thời gian

(2) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào hàng ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư.

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và yêu cầu về tiến độ nêu tại Mục 1 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp.

(4) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm theo pháp luật của nhà cung cấp ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền.

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

STT	Nội dung	Giá chào
1	Dịch vụ	(M)
2	VAT	
	Tổng cộng giá chào hàng (Kết chuyển sang đơn đề xuất)	(M)

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ CHÀO HÀNG CỦA HÀNG HÓA

1	2	3	4	5	6	7	8
STT	Nội dung	Đơn vị tính	Quy cách	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1						M1	
2						M2	
	Tổng cộng giá dự gói mua sắm của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) <i>(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào hàng)</i>					M=M1+..... ...	

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢN DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

- Căn cứ (2) ____ [*Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11*];

- Căn cứ ____ [*căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp*];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt lựa chọn nhà cung cấp gói mua sắm ____ [*Ghi tên gói thầu*] và thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____ (nếu có);

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư [*Ghi tên chủ đầu tư*]:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu [*Ghi tên nhà thầu trúng thầu*]:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng bảo hiểm sức khỏe theo những điều khoản cụ thể dưới đây:

Điều 1: Đối tượng tham gia bảo hiểm

1.1. Người được bảo hiểm (NDBH) là công dân Việt Nam và/hoặc người nước ngoài đang cư trú hợp pháp tại Việt Nam là cán bộ, nhân viên của Bên A tại bất cứ thời điểm nào trong thời hạn có hiệu lực của Hợp Đồng này;

1.2. Bên B không nhận bảo hiểm và không chịu trách nhiệm với các trường hợp sau:

- a. Người trên 65 tuổi tại thời điểm tham gia bảo hiểm (trường hợp trên 65 tuổi phải có sự đồng ý của VBI)
- b. Người đang bị bệnh tâm thần, thần kinh, bệnh phong.
- c. Người đã, đang trong tình trạng hôn mê hoặc sống thực vật;
- d. Người bị thương tật vĩnh viễn quá 50%.

Điều 2: Danh sách người được bảo hiểm

Trình bày chi tiết trong quá trình hoàn thiện hợp đồng.

Điều 3: Quy tắc bảo hiểm, Phạm vi bảo hiểm, Quyền lợi bảo hiểm & Số tiền bảo hiểm, Điều khoản bổ sung, Phạm vi bảo hiểm

3.1. Quy tắc bảo hiểm áp dụng

Trình bày chi tiết trong quá trình hoàn thiện hợp đồng.

3.2. Phạm vi bảo hiểm

Trình bày chi tiết trong quá trình hoàn thiện hợp đồng.

3.3. Quyền lợi bảo hiểm và số tiền bảo hiểm

Trình bày chi tiết trong quá trình hoàn thiện hợp đồng.

3.4. Điều khoản bổ sung

Trình bày chi tiết trong quá trình hoàn thiện hợp đồng.

Điều 4. Thời hạn bảo hiểm và hiệu lực của Hợp đồng

4.1. Thời hạn bảo hiểm

Hợp đồng bảo hiểm có thời hạn 01 (một) năm, bắt đầu từ 00 giờ 01 phút ngày 01 tháng 12 năm 2025.

4.2. Hiệu lực bảo hiểm

Đối với toàn bộ Người được bảo hiểm tham gia bảo hiểm tại Hợp đồng bảo hiểm này (bao gồm cả trường hợp Người được bảo hiểm tăng mới), Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực kể từ 00 giờ 01 phút ngày 01 tháng 12 năm 2025 cho đến khi chấm dứt thời hạn bảo hiểm.

Điều 5: Phí bảo hiểm như sau:

5.1. Phí bảo hiểm tính cho 01 người/năm

Trình bày chi tiết trong quá trình hoàn thiện hợp đồng.

5.2. Tổng số phí bảo hiểm tạm tính

Trình bày chi tiết trong quá trình hoàn thiện hợp đồng.

Phí bảo hiểm thực tế sẽ căn cứ trên số lượng Người được bảo hiểm tham gia thực tế trong năm. Các trường hợp phát sinh tăng, giảm số Người được bảo hiểm hàng tháng sẽ điều chỉnh tăng, giảm phí bảo hiểm theo quy định tại Mục 5.3 dưới đây. Các trường hợp giảm số Người được bảo hiểm (chưa phát sinh hồ sơ bồi thường được chi trả) so với danh sách đính kèm hợp đồng trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày hiệu lực hợp đồng sẽ hoàn 100% phí mua bảo hiểm sức khỏe.

5.3. Điều chỉnh phí bảo hiểm, số tiền bảo hiểm và thanh toán phí bảo hiểm điều chỉnh:

5.3.1. Phí bảo hiểm tăng:

Trình bày chi tiết trong quá trình hoàn thiện hợp đồng.

5.3.2. Phí bảo hiểm giảm:

Trình bày chi tiết trong quá trình hoàn thiện hợp đồng.

5.3.3. Thay đổi cấp của Người được bảo hiểm

Trình bày chi tiết trong quá trình hoàn thiện hợp đồng.

Điều 6: Thời hạn và phương thức thanh toán phí bảo hiểm.

6.1. Phương thức thanh toán và chứng từ thanh toán phí bảo hiểm

Bên A sẽ thanh toán phí bảo hiểm bằng chuyển khoản vào Tài khoản của Bên B với các Chứng từ thanh toán bao gồm:

- + Công văn đề nghị của từng lần thanh toán do Bên B cấp
- + Hóa đơn tài chính từng lần thanh toán do bên B cấp
- + Biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng được ký kết giữa hai bên (áp dụng cho trường hợp thanh lý hợp đồng khi hết hạn bảo hiểm).

6.2. Thời hạn thanh toán phí bảo hiểm

6.2.1 Tổng số phí bảo hiểm tạm tính của Hợp đồng: ...

Hai bên thống nhất tổng số tiền thanh toán nêu trên của Bên A cho Bên B là phí bảo hiểm tạm thanh toán cho tổng số người được bảo hiểm của Bên A trong suốt thời hạn có hiệu lực của Hợp đồng này (bao gồm những người có tên trong danh sách Người được bảo hiểm tại thời điểm ký kết Hợp đồng bảo hiểm này và những người được Bên A thông báo bổ sung vào danh sách người được bảo hiểm gửi cho Bên B trong suốt thời hạn có hiệu lực của Hợp đồng này).

6.2.2 Đối với các khoản phí bảo hiểm điều chỉnh do tăng/giảm theo quy định tại mục 5.3 Điều 5 của Hợp đồng sẽ được Bên A thanh toán cho Bên B (trong trường hợp tăng) hoặc Bên B hoàn lại cho Bên A (trong trường hợp giảm) một lần khi thanh lý Hợp đồng, chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày thanh lý Hợp đồng

Việc quyết toán hợp đồng bảo hiểm sẽ được tính toán cho từng chi nhánh/đơn vị sự nghiệp/VP đại diện/TSC của Bên A.

Điều 7: Bồi thường bảo hiểm

7.1. Hồ sơ yêu cầu trả tiền bảo hiểm

Trình bày chi tiết trong quá trình hoàn thiện hợp đồng.

7.2. Yêu cầu về hóa đơn thanh toán và trả tiền bảo hiểm

Trình bày chi tiết trong quá trình hoàn thiện hợp đồng.

7.3 Thời hạn trả tiền bảo hiểm

Trình bày chi tiết trong quá trình hoàn thiện hợp đồng.

Điều 8: Trách nhiệm của các Bên

8.1. Trách nhiệm của Bên A

- Nghiên cứu, hiểu rõ điều kiện, điều khoản bảo hiểm, các điểm loại trừ bảo hiểm áp dụng trong Hợp đồng bảo hiểm này và Quy tắc bảo hiểm.
- Thực hiện đầy đủ các quy định của Hợp đồng bảo hiểm này.
- Cung cấp cho bên B chính xác, đầy đủ các thông tin về Người được bảo hiểm và thực hiện các thủ tục cần thiết liên quan đến mua bảo hiểm.
- Thanh toán phí bảo hiểm đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Điều 5 thuộc Hợp đồng bảo hiểm này.

8.2. Trách nhiệm của Bên B

- Thực hiện đầy đủ các quy định của Hợp đồng bảo hiểm này;
- Tổ chức chương trình giới thiệu, hướng dẫn quyền lợi bảo hiểm, hồ sơ cầu trả tiền bảo hiểm cho Người được bảo hiểm và/hoặc Bên A theo yêu cầu.

Điều 9: Sửa đổi, bổ sung

Mọi sửa đổi, bổ sung liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm phải được ký kết bằng văn bản và có sự đồng ý của cả hai Bên.

Điều 10: Bảo vệ và xử lý dữ liệu cá nhân

Hai bên đồng ý tuân thủ bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định tại Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/04/2023 của Chính phủ về việc bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Điều 11: Điều khoản thi hành

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản quy định trong Hợp đồng bảo hiểm này.

Hợp đồng này được làm thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản để theo dõi thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B